

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HS-ST

Ngày: 30-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Thanh Hùng;

Ông Nguyễn Tấn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Thái Dương Đ, sinh ngày 29/7/1990, tại Nghệ An; HKTT: Phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Môi giới bất động sản; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Dương L, sinh năm 1948 và bà Trần Thị T, sinh năm 1954; tiền án: 01

+ Bản án số 542/2009/HSST ngày 30/9/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An với mức hình phạt 12 tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”.

+ Bản án số 153/2010/HSPT ngày 03/12/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An với mức hình phạt 08 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp Bản án số 542 ngày 30/9/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh xử phạt Thái Dương Đ 12 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, buộc bị cáo Thái Dương Đ thi hành hình phạt chung của hai bản án là 09 năm tù. Ngày 25/01/2017, Thái Dương Đ chấp hành xong án phạt tù (chưa được xóa án tích)

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ, sau đó chuyển sang tạm giam từ ngày 16/02/2019 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1976. Ngụ tại: Ấp BCC, xã TA, huyện D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bà Trần Thị T2, sinh năm 1970. Ngụ tại: Ấp NĐ, xã ĐT, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt tại phiên tòa.

3. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1958. Ngụ tại: Ấp ĐT, xã DH, huyện D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

4. Bà Thái Thị Thu T3, sinh năm 1972. Ngụ tại: Ấp ĐS, xã ĐA, huyện D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

5. Bà Lê Thị Thu V, sinh năm 1969. Ngụ tại: Ấp XM, xã TA, huyện D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Kim L2, sinh năm 1966. Ngụ tại: Ấp XM, xã TA, huyện D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

7. Bà Trần Thị Tuyết C, sinh năm 1967. Ngụ tại: Ấp XM, xã TA, huyện D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Đặng Thanh M, sinh năm 1993. Ngụ tại: Ấp CT, xã TA, huyện D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

9. Nguyễn Đặng Thanh X, sinh ngày 04/01/2002. Ngụ tại: Ấp CT, xã TA, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (Nguyễn Đặng Thanh X): Bà Đặng Thị P, sinh năm 1967 và ông Nguyễn Trung N, sinh năm 1961. Cùng ngụ tại: Ấp CT, xã TA, huyện D, tỉnh Bình Dương (cha, mẹ của Nguyễn Đặng Thanh X), có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 02/2018, Thái Dương Đ từ quê ở phường Q, TP V, tỉnh Nghệ An đến thuê nhà trọ của bà Võ Thị Thu B, ngụ phường PH, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương để ở và có đăng ký tạm trú tại đây, Đ sinh sống bằng việc hàng ngày đến địa bàn huyện D, tỉnh Bình Dương cho người dân ở đây vay lãi nặng, nhằm thu lợi bất chính từ đầu tháng 09 năm 2018 cho đến ngày bị bắt. Đ dùng số tiền 20.000.000 đồng và vay mượn bạn bè (bao nhiêu thì Đ không nhớ) để cho vay lãi nặng.

Với thủ đoạn là thông qua mạng xã hội zalo, số điện thoại cá nhân có số sim 0961480426 của mình, hoặc ngồi ở các quán cà phê ... Đ giới thiệu về việc cho vay tiền không cần thế chấp, có tiền trong ngày, để người dân cần vay tiền biết liên lạc, vay tiền của Đ. Thái Dương Đ hoạt động chủ yếu là địa bàn huyện

D, tỉnh Bình Dương. Hằng ngày Đ sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Winner 150; màu cam - đen; biển số 37B2-902.19 của Đ đến các quán cà phê, khu vực công cộng thuộc xã TA và thị trấn D, huyện D để hoạt động cho vay lãi nặng. Khi cần vay tiền của Đ người vay phải đưa CMND gốc, sổ hộ khẩu gốc hoặc photo CMND và sổ hộ khẩu và ký vào giấy vay mượn tiền thì mới cho vay, cũng có trường hợp tin tưởng Đ không yêu cầu làm giấy nợ hay giữ giấy tờ. Những người vay tiền thường là chủ các quán ăn, giáo viên, người dân trên địa bàn và khi vay mượn tiền người vay không phải thế chấp bất cứ tài sản gì. Khi có người cần vay tiền thì điện thoại cho Đ đến nhà, hoặc điểm hẹn là các quán cà phê, khu vực tượng đài CT thị trấn D, để thỏa thuận với nhau về việc vay mượn tiền, hình thức chủ yếu là cho vay trả góp cả gốc lẫn lãi hằng ngày. Sau khi cho vay tiền, Đ đến nhà người vay tiền hoặc điện thoại đến điểm hẹn để nhận tiền góp, lãi hằng ngày, người vay tiền chậm trả hoặc không còn khả năng chi trả thì Đ điện thoại hoặc gặp trực tiếp để chửi bới, xúc phạm, đe dọa.

Cách tính cụ thể hình thức cho vay, lãi suất như sau:

- Nếu cho vay góp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trong thời hạn 25 ngày, Đ lấy phí dịch vụ $5\% = 500.000$ đồng hoặc $6\% = 600.000$ đồng, Đ lấy trước 2 ngày tiền lãi và gốc là 1.000.000 đồng, mỗi ngày Đ thu của người vay số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Cho vay 10.000.000 đồng/25 ngày người vay phải trả số tiền là 12.500.000 đồng, Đ thu lãi số tiền là 2.500.000 đồng $= 100.000$ đồng/ngày $= 01\%/$ ngày, gấp 17,85 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Như vậy, sau 25 ngày cho vay 10.000.000 đồng, Đ thu lợi 3.000.000 đồng đến 3.100.000 đồng (trong đó có 2.500.000 đồng tiền lãi và 500.000 đồng hoặc 600.00 đồng tiền phí).

- Nếu cho vay góp số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) trong thời hạn 28 ngày, mỗi ngày Đ thu của người vay số tiền 300.000 đồng, Đ lấy phí dịch vụ $5\% = 350.000$ đồng hoặc $5.71\% = 400.000$ đồng, lấy trước 2 ngày tiền lãi và gốc là 600.000 đồng. Cho vay 7.000.000 đồng/28 ngày người vay phải trả số tiền là 8.400.000 đồng, Đ thu lãi số tiền là 1.400.000 đồng $= 50.000$ đồng/ngày $= 0.71\%/$ ngày, gấp 12.85 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Như vậy, sau 28 ngày cho vay 7.000.000 đồng, Đ thu lợi 1.750.000 đồng đến 1.800.000 đồng (trong đó có 1.400.000 đồng tiền lãi và 350.000 đồng hoặc 400.000 đồng tiền phí).

- Nếu cho vay góp số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) trong thời hạn 31 ngày, Đ lấy phí dịch vụ $5\% = 250.000$ đồng, lấy trước 2 ngày tiền lãi và gốc là 400.000 đồng, mỗi ngày Đ thu của người vay số tiền 200.000 đồng. Cho vay 5.000.000 đồng/31 ngày người vay tiền phải trả số tiền là 6.200.000 đồng, Đ thu lãi số tiền là 1.200.000 đồng $= 38.710$ đồng/ngày $= 0.77\%/$ ngày, gấp 13.9 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Như vậy, sau 31 ngày cho vay 5.000.000 đồng, Đ thu lợi 1.450.000 đồng (trong đó có 1.200.000 đồng tiền lãi và 250.000 đồng tiền phí).

- Nếu cho vay góp số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) trong thời hạn 40 ngày, Đ lấy phí dịch vụ $6\% = 300.000$ đồng, lấy trước 2 ngày tiền lãi và gốc là 300.000 đồng, mỗi ngày Đ thu của người vay số tiền 150.000 đồng. Cho vay 5.000.000 đồng/40 ngày người vay tiền phải trả số tiền là 6.000.000 đồng, Đ thu lãi số tiền là 1.000.000 đồng $= 25.000$ đồng/ngày $= 0,5\%/ngày$, gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Như vậy, sau 40 ngày cho vay 5.000.000 đồng, Đ thu lợi 1.300.000 đồng (trong đó có 1.000.000 đồng tiền lãi và 300.000 đồng tiền phí).

- Nếu cho vay góp số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) trong thời hạn 19 ngày, Đ lấy phí dịch vụ $5\% = 150.000$ đồng hoặc $6.6\% = 200.000$ đồng, lấy trước 2 ngày tiền lãi và gốc là 400.000 đồng, mỗi ngày Đ thu của người vay số tiền 200.000 đồng. Cho vay 3.000.000 đồng/19 ngày người vay tiền phải trả số tiền là 3.800.000 đồng, Đ thu lãi số tiền là 800.000 đồng $= 42.105$ đồng/ngày $= 1.4\%/ngày$, gấp 25.21 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Như vậy, sau 19 ngày cho vay 3.000.000 đồng, Đ thu lợi 950.000 đồng đến 1.000.000 đồng (trong đó có 800.000 đồng tiền lãi và 150.000 đồng hoặc 200.000 đồng tiền phí).

Ngày 16/02/2019, Đ bị bắt và tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp.

- Tang vật thu giữ:

+ 01 (Một) điện thoại di động Iphone XS Max, màu vàng gold, số IMEI: 357287091749715; 01 (một) sim điện thoại mạng Viettel có số thuê bao: 0966286126;

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu NOKIA 81104G, màu vàng, số IMEI: 353420094240812; 01 (một) sim điện thoại mạng Viettel có số thuê bao: 0961480426;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda; số loại: WINNER; màu sơn: cam - đen; biển số: 37B2-902.19, số máy: KC26E1054995; số khung: 2604GY033730;

+ 01 (một) Giấy đăng ký xe mô tô số: 068600, mang biển số 37B2-902.19, chủ sở hữu Thái Dương;

+ 01 (một) Sổ hộ khẩu số 3383TA, chủ hộ mang tên Nguyễn Thị Thu H

+ 01 (một) chứng minh nhân dân số: 280602462 mang tên Nguyễn Thị Thu H

+ 01 (một) giấy phép lái xe số 74118006161 mang tên Nguyễn Đặng Thanh M;

+ 01 (một) chứng nhận hưu trí số 1439700022 mang tên Nguyễn Thị G;

+ 01 (một) cuốn cuốn tập học sinh bìa màu vàng có in chữ “Sổ Giáo Án”, hiệu MINH CHÂU, gồm 200 T6, có 11 mặt giấy ghi chữ và số, có chữ ký của Thái Dương Đ;

+ 01 (một) chứng minh nhân dân số: 280812664 mang tên Nguyễn Thị H

+ 01 (một) chứng minh nhân dân số 280588248 mang tên Nguyễn Thị Thu V;

+ 01 (một) chứng minh nhân dân số: 291153422 mang tên Đặng Kim C2;

+ 01 (một) chứng minh nhân dân số 281006621 mang tên Thân Trọng T4;

+ 01 (một) chứng minh nhân dân phôi số: 281058444 mang tên Trần Thị T2;

+ 01 (một) chứng minh nhân dân phôi không rõ số mang tên Nguyễn Thị Kim L2;

+ 13 (mười ba) giấy vay tiền giữa những người mượn tiền với Thái Dương Đ, có chữ ký Thái Dương Đ.

+ 01 (một) cuốn tập học sinh loại 200 T6 hiệu Bút Cầu, có 17 mặt giấy ghi nhận các khoản nợ, có chữ ký của bà Nguyễn Thị Thu H .

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã làm rõ được 08 người vay tiền của Thái Dương Đ cụ thể như sau:

01. Nguyễn Thị Thu H , sinh năm 1976. Ngụ tại: Ấp BCC, xã TA, huyện D, tỉnh Bình Dương, cụ thể:

Từ ngày 07/9/2018 đến tháng 01/2019, H vay của Thái Dương Đ 11 dây nợ với 72 lần vay, tổng số tiền vay là 535.000.000 đồng, số tiền H phải trả là 666.350.000 đồng, số tiền thực tế H nhận được là 252.000.000 đồng, H đã trả được 587.000.000 đồng và còn nợ Đ 78.500.000 đồng thì hết khả năng trả nợ. Đ thu lợi được số tiền: 147.970.000 đồng (trong đó có 32.100.000 đồng tiền phí dịch vụ và 115.870.000 đồng tiền lãi). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm tương đương 6.563.620 đồng) thì Đ thu lợi bất chính số tiền **141.406.380** đồng.

02. Trần Thị T2, sinh năm 1970. Ngụ tại: Ấp NĐ, xã ĐT, huyện D, tỉnh Bình Dương, cụ thể:

Từ ngày 13/9/2018 đến tháng 11/2018, T2 vay của Thái Dương Đ 05 dây nợ với 15 lần vay, tổng số tiền vay là 135.000.000 đồng, số tiền T2 phải trả là 168.100.000 đồng, số tiền thực tế mà T2 nhận được là 82.050.000 đồng, T2 đã trả được 162.300.000 đồng và còn nợ 5.800.000 đồng thì hết khả năng trả nợ. Đ thu lợi được số tiền: 38.450.000 đồng (trong đó có 6.550.000 đồng là phí và 31.900.000 đồng là tiền lãi). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm tương đương 2.108.477 đồng) thì Đ thu lợi bất chính số tiền **36.341.523** đồng.

03. Nguyễn Thị G, sinh năm 1958. Ngụ tại: Ấp ĐT, xã ĐH, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Từ ngày 30/8/2018 đến tháng 10/2018, G vay của Thái Dương Đ 05 dây nợ với 09 lần vay, tổng số tiền vay 70.000.000 đồng, số tiền G phải trả là 86.000.000 đồng, số tiền thực tế mà bà G nhận được là 55.150.000 đồng, G đã trả hết số tiền trên. Đ thu lợi được số tiền: 19.700.000 đồng (trong đó có

3.700.000 đồng là phí và 16.000.000 đồng là tiền lãi). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm tương đương 1.222.320 đồng) thì Đ thu lợi bất chính số tiền **18.477.680** đồng.

04. Thái Thị Thu T3, sinh năm 1972. Ngụ tại: Ấp ĐS, xã ĐA, huyện D, tỉnh Bình Dương, cụ thể:

Từ ngày 30/8/2018 đến tháng 01/2019, T3 vay của Thái Dương Đ 02 dây nợ với 09 lần vay, tổng số tiền vay 70.000.000 đồng, số tiền bà T3 phải trả là 87.200.000 đồng, số tiền thực tế mà bà T3 nhận được là 33.400.000 đồng, T3 đã trả được 82.300.000 đồng và còn nợ Đ 4.900.000 đồng. Đ thu lợi được số tiền: 19.750.000 đồng (trong đó có 3.500.000 đồng là phí và 16.250.000 đồng là tiền lãi). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm tương đương 1.144.536 đồng) thì Đ thu lợi bất chính số tiền **18.605.464** đồng.

05. Lê Thị Thu V, sinh năm 1969. Ngụ tại: Ấp XM, xã TA, huyện D, tỉnh Bình Dương, cụ thể:

Từ ngày 27/9/2018 đến tháng 11/2018, V vay của Thái Dương Đ 03 dây nợ với 07 lần vay, tổng số tiền vay 25.000.000 đồng, số tiền V phải trả là 31.100.000 đồng, số tiền thực tế mà bà V nhận được là 15.700.000 đồng, V đã trả hết số tiền trên. Đ thu lợi được số tiền: 6.400.000 đồng (trong đó có 1.300.000 đồng là phí và 5.100.000 đồng là tiền lãi). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm tương đương 401.143 đồng) thì Đ thu lợi bất chính số tiền **5.998.857** đồng.

06. Nguyễn Thị Kim L2, sinh năm 1966. Ngụ tại: Ấp XM, xã TA, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Từ ngày 27/9/2018 đến tháng 12/2018, L2 vay của Thái Dương Đ 03 dây nợ với 11 lần vay, tổng số tiền vay 56.000.000 đồng, số tiền L2 phải trả là 67.500.000 đồng, số tiền thực tế L2 nhận được là 31.600.000 đồng, L2 đã trả hết cho Đ số tiền trên. Đ thu lợi được số tiền: 14.500.000 đồng (trong đó có 3.000.000 đồng là phí và 11.500.000 đồng là tiền lãi). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm tương đương 916.705 đồng), Đ thu lợi bất chính số tiền **13.583.295** đồng.

07. Trần Thị Tuyết C, sinh năm 1967. Ngụ tại: Ấp XM, xã TA, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Ngày 26/12/2018, C vay của Thái Dương Đ 01 lần với số tiền 3.000.000 đồng, góp 25 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng; Đ thu tiền phí là 150.000 đồng và 02 ngày tiền góp = 300.000 đồng; thực tế C nhận được số tiền vay là 2.550.000 đồng; tổng số tiền C phải trả cho Đ là 3.750.000 đồng, C đã trả hết số tiền trên. Đ thu lợi được 900.000 đồng (trong đó có 150.000 đồng tiền phí và 750.000 đồng tiền lãi). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm tương đương 41.675 đồng) thì Đ thu lợi bất chính số tiền **858.325** đồng.

08. Nguyễn Đặng Thanh X, sinh ngày 04/01/2002. Ngụ tại: Ấp CT, xã TA, huyện D, tỉnh Bình Dương.

X vay của Thái Dương Đ 03 lần với tổng số tiền vay 9.000.000 đồng, số tiền X phải trả là 10.800.000 đồng, số tiền thực tế mà bà X nhận được là 7.800.000 đồng, X đã trả hết cho Đ số tiền trên. Đ thu lợi được số tiền: 1.800.000 đồng (trong đó có 00 đồng là phí và 1.800.000 đồng là tiền lãi). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm tương đương 120.024 đồng) thì Đ thu lợi bất chính số tiền **1.679.976** đồng.

Như vậy, với việc 08 người có tên như trên vay của Thái Dương Đ tổng số tiền là 903.000.000 đồng, số tiền phải trả là 1.120.800.000 đồng, đã trả được 1.031.600.000 đồng, còn nợ 89.200.000 đồng. Đ thu lợi số tiền: 249.470.000 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng), (trong đó có 50.300.000 đồng tiền phí và 199.170.000 đồng tiền lãi). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm tương đương 12.432.382 đồng) thì Đ thu lợi bất chính số tiền **237.037.618** đồng.

Quá trình điều tra Thái Dương Đ khai nhận còn cho 12 người dân khác trên địa bàn huyện D, tỉnh Bình Dương vay tiền với thủ đoạn tương tự như trên. Tuy nhiên, do những người vay tiền không có địa chỉ rõ ràng hoặc có địa chỉ, tên tuổi nhưng bỏ đi nơi khác sinh sống, không xác định hiện nay làm gì và ở đâu, việc vay tiền diễn ra ở khu vực công cộng, quá trình xác minh không xác định lai lịch các đương sự nên không có căn cứ xác định các khoản vay của Nguyễn Thị Thu V2 (V2 mới TA), Đặng Kim C2 (C2 Bún), O, Trúc N, Bà N DT, Lê Ngọc H2(H2 lô 1), Thân Trọng T4 (Thu T4), L3 cầu số 4, T5 lô 1, T6 lô 1, K, Nguyễn Thị Minh H3 (H3 cầu số 4) như Thái Dương Đ khai báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý 12 trường hợp này, cụ thể:

01. Nguyễn Thị Thu V2 (V2 mới TA), sinh năm 1974, ngụ ấp GM, xã TT, huyện D, tỉnh Bình Dương, sinh sống tại ấp XM, xã TA, huyện D, tỉnh Bình Dương. V2 vay tiền của Thái Dương Đ 01 đây với 05 lần vay; hình thức vay lãi góp, mỗi lần vay là 5.000.000 đồng, trả góp 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng; từ ngày 29/10/2018 đến ngày 21/01/2019 V vay với tổng số tiền là 25.000.000 đồng; thực tế V2 nhận được số tiền vay là 14.300.000 đồng; tổng số tiền V2 phải trả cho Đ là 30.000.000 đồng, V2 đã trả hết số tiền trên. Đ thu lợi được 5.830.000 đồng (trong đó thu tiền phí là 1.500.000 đồng và 4.330.000 đồng tiền lãi). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm tương đương 583.380 đồng) thì Đ thu lợi bất chính số tiền **5.246.620** đồng.

02. Đặng Kim C2(C2 Bún), sinh năm 1977, ngụ ấp A, xã BC, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh, tạm trú tại khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, vay tiền của Thái Dương Đ 01 đây với 02 lần vay; hình thức vay lãi góp, mỗi lần vay là 5.000.000 đồng, trả góp 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng; từ ngày 11/09/2018 đến ngày 01/10/2018 C2 vay với tổng số tiền là 10.000.000 đồng; thực tế C2 nhận được số tiền vay là 6.800.000 đồng; tổng số tiền C2 phải trả cho Đ là 12.000.000 đồng, C2 đã trả cho Đ với số tiền là 8.400.000 đồng và còn nợ Đ 3.600.000 đồng; Đ thu lợi được 1.800.000 đồng (trong đó thu tiền phí là 400.000 đồng và 1.400.000 đồng tiền lãi). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép

(20%/năm tương đương 166.680 đồng) thì Đ thu lợi bất chính số tiền **1.633.320** đồng.

03. OB, thường có mặt tại khu vực tượng đài CT thuộc khu phố K, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, vay lãi góp vào ngày 11/09/2018 với 01 lần vay tiền của Thái Dương Đ; số tiền vay là 3.000.000 đồng, góp 25 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng; Đ thu tiền phí là 100.000 đồng và 02 ngày tiền góp = 300.000 đồng; thực tế OB nhận được số tiền vay là 2.600.000 đồng; tổng số tiền OB phải trả cho Đ là 3.750.000 đồng, OB đã trả hết số tiền trên; Đ thu lợi được 850.000 đồng (trong đó có 100.000 đồng tiền phí và 750.000 đồng tiền lãi). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm tương đương 41.675 đồng) thì Đ thu lợi bất chính số tiền **808.325** đồng.

04. Trúc N, thường có mặt tại khu vực tượng đài CT thuộc khu phố K, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, vay lãi góp vào ngày 13/09/2018 với 01 lần vay tiền của Thái Dương Đ; số tiền vay là 10.000.000 đồng, góp 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng; Đ thu tiền phí là 500.000 đồng và 02 ngày tiền góp = 1.000.000 đồng; thực tế Trúc N nhận được số tiền vay là 8.500.000 đồng; tổng số tiền Trúc N phải trả cho Đ là 12.500.000 đồng, Trúc N đã trả hết số tiền trên; Đ thu lợi được 3.000.000 đồng (trong đó có 500.000 đồng tiền phí và 2.500.000 đồng tiền lãi). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm tương đương 138.900 đồng), Đ thu lợi bất chính số tiền **2.861.100** đồng.

05. Bà N DT, thường có mặt tại khu vực tượng đài CT thuộc khu phố K, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, vay lãi góp vào ngày 21/09/2018 với 01 lần vay tiền của Thái Dương Đ; số tiền vay là 10.000.000 đồng, góp 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng; Đ thu tiền phí là 500.000 đồng và 02 ngày tiền góp = 1.000.000 đồng; thực tế N DT nhận được số tiền vay là 8.500.000 đồng; tổng số tiền N DT phải trả cho Đ là 12.500.000 đồng, N DT đã trả hết số tiền trên; Đ thu lợi được 3.000.000 đồng (trong đó có 500.000 đồng tiền phí và 2.500.000 đồng tiền lãi). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm tương đương 138.900 đồng), Đ thu lợi bất chính số tiền **2.861.100** đồng.

06. Lê Ngọc H2 (H2 lô 1), sinh năm 1989, ngụ khu phố S, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, vay lãi góp vào ngày 08/10/2018 với 01 lần vay tiền của Thái Dương Đ; số tiền vay là 5.000.000 đồng, góp 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng; Đ thu tiền phí là 300.000 đồng và 02 ngày tiền góp = 400.000 đồng; thực tế H2 nhận được số tiền vay là 4.300.000 đồng; tổng số tiền H2 phải trả cho Đ là 6.000.000 đồng, H2 đã trả cho Đ 14 ngày góp với số tiền là 2.800.000 đồng và còn nợ 16 ngày tiền góp = 3.200.000 đồng thì không còn khả năng chi trả nên bỏ trốn; Đ thu lợi được 765.000 đồng (trong đó có 300.000 đồng tiền phí và 465.000 đồng tiền lãi). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm tương đương 83.340 đồng), Đ thu lợi bất chính số tiền **681.600** đồng.

07. Thân Trọng T4 (Thu T4) sinh năm 1957, ngụ khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, vay lãi góp vào ngày 17/10/2018 với 01 lần vay tiền của Thái Dương Đ; số tiền vay là 5.000.000 đồng, góp 31 ngày, mỗi ngày góp

200.000 đồng; Đ thu tiền phí là 200.000 đồng và 02 ngày tiền góp = 400.000 đồng; thực tế T4 nhận được số tiền vay là 4.400.000 đồng; tổng số tiền T4 phải trả cho Đ là 6.200.000 đồng, T4 đã trả cho Đ 16 ngày góp với số tiền là 3.200.000 đồng và còn nợ 15 ngày tiền góp = 3.000.000 đồng thì không còn khả năng chi trả, nên bỏ trốn; Đ thu lợi được 820.000 đồng (trong đó có 200.000 đồng tiền phí và 620.000 đồng tiền lãi). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm tương đương 86.118 đồng), Đ thu lợi bất chính số tiền **733.832** đồng.

08. L3 cầu số 4, thường có mặt tại khu vực Cầu S, ấp TT, xã MT, huyện D, tỉnh Bình Dương, vay lãi góp vào ngày 19/10/2018 với 01 lần vay tiền của Thái Dương Đ; số tiền vay là 5.000.000 đồng, góp 31 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng; Đ thu tiền phí là 200.000 đồng và 02 ngày tiền góp = 400.000 đồng; thực tế L3 nhận được số tiền vay là 4.400.000 đồng; tổng số tiền bà L3 phải trả cho Đ là 6.200.000 đồng, L3 đã trả hết số tiền trên; Đ thu lợi được 1.400.000 đồng (trong đó có 200.000 đồng tiền phí và 1.200.000 đồng tiền lãi). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm tương đương 86.118 đồng), Đ thu lợi bất chính số tiền **1.313.882** đồng.

09. T5 lô 1, thường có mặt tại khu vực tượng đài CT thuộc khu phố K, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, vay lãi góp vào ngày 16/12/2018 với 01 lần vay tiền của Thái Dương Đ; số tiền vay là 5.000.000 đồng, góp 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng; Đ thu tiền phí là 200.000 đồng và 02 ngày tiền góp = 400.000 đồng; thực tế T5 nhận được số tiền vay là 4.400.000 đồng; tổng số tiền T5 phải trả cho Đ là 6.000.000 đồng, T5 đã trả hết số tiền trên; Đ thu lợi được 1.200.000 đồng (trong đó có 200.000đ tiền phí và 1.000.000 đồng tiền lãi). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm tương đương 83.340 đồng), Đ thu lợi bất chính số tiền **1.116.660** đồng.

10. T6 lô 1, thường có mặt tại khu vực tượng đài CT thuộc khu phố K, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, vay lãi góp vào ngày 24/12/2018 với 01 lần vay tiền của Thái Dương Đ; số tiền vay là 2.000.000 đồng, góp 25 ngày, mỗi ngày góp 100.000 đồng; Đ thu tiền phí là 100.000 đồng và 02 ngày tiền góp = 200.000đồng; thực tế T6 lô 1 nhận được số tiền vay là 1.700.000 đồng; tổng số tiền T6 lô 1 phải trả cho Đ là 2.500.000 đồng, T6 lô 1 đã trả hết số tiền trên; thu lợi được 600.000 đồng (trong đó có 100.000 đồng tiền phí và 500.000 đồng tiền lãi). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm tương đương 27.775 đồng), Đ thu lợi bất chính số tiền **572.225** đồng.

11. K, thường có mặt vay tiền của Thái Dương Đ tại khu vực tượng đài CT thuộc khu phố K, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. K vay tiền của Thái Dương Đ 01 dây với 04 lần vay; hình thức vay lãi góp, mỗi lần vay là 10.000.000 đồng, trả góp 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng, phí 500.000 đồng/1 lần vay; từ ngày 11/09/2018 đến ngày 08/11/2018 K vay với tổng số tiền là 40.000.000 đồng; thực tế K nhận được số tiền vay là 25.500.000 đồng; tổng số tiền K phải trả cho Đ là 50.000.000 đồng, K đã trả hết số tiền trên; Đ thu lợi được 12.000.000 đồng (trong đó thu tiền phí là 2.000.000 đồng và 10.000.000

đồng tiền lãi). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm tương đương 555.600 đồng), Đ thu lợi bất chính số tiền **11.444.400** đồng.

12. Nguyễn Thị H3 (H3 cầu số 4), sinh năm 1978, ngụ ấp TT, xã MT, huyện D, tỉnh Bình Dương, H3 vay của Thái Dương Đ 03 dây nợ với 08 lần vay, tổng số tiền vay 31.000.000 đồng, số tiền H3 phải trả là 38.700.000 đồng, số tiền thực tế mà H3 nhận được là 19.000.000 đồng, H3 đã trả được 34.400.000 đồng và còn nợ Đ 4.300.000 đồng. Đ thu lợi được số tiền: 8.010.000 đồng (trong đó có 1.200.000 đồng là phí thu và 6.810.000 đồng là tiền lãi). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm tương đương 562.285 đồng), Đ thu lợi bất chính số tiền **7.447.715** đồng.

Tổng số tiền Thái Dương Đ cho vay 12 người trên là 151.000.000 đồng, số tiền phải trả là 186.350.000 đồng, đã trả được 172.250.000 đồng, 12 người vay tiền còn nợ 14.100.000 đồng. Đ thu lợi số tiền: 39.275.000 đồng (Ba mươi chín triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) (trong đó có 7.200.000 đồng tiền phí thu và 39.275.000 đồng tiền lãi). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm tương đương 2.554.111 đồng), Đ thu lợi bất chính số tiền **36.720.889** đồng.

Tại Cáo trạng số 18/CT-VKSDT-HS ngày 06/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương đã truy tố Thái Dương Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương giữ nguyên quan điểm và quyết định truy tố đối với Thái Dương Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và đề nghị:

- *Về hình phạt*: Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo Thái Dương Đ từ 10 (mười) tháng đến 01 (một) năm tù.

- *Về biện pháp tư pháp*: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã vay tiền của bị cáo Thái Dương Đ nhưng hiện chưa trả cho bị cáo Đ, xét đây là số tiền bị cáo Đ dùng vào việc phạm tội nên cần buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp số tiền 78.500.000 đồng.
- Bà Trần Thị T2 phải nộp số tiền 4.000.000 đồng.
- Bà Thái Thị Thu T3 phải nộp số tiền 4.900.000 đồng.

Đối với 01 (Một) điện thoại di động Iphone XS Max, màu vàng gold, số IMEI: 357287091749715; 01 (một) sim điện thoại mạng Viettel có số thuê bao: 0966286126. Xét đây là tài sản hợp pháp của Thái Dương Đ, không sử dụng làm PH3 tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an

huyện Dầu Tiếng đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng để bảo quản và đề nghị trả cho Đ;

Đối với 01 (Một) điện thoại di động hiệu NOKIA 81104G, màu vàng, số IMEI: 353420094240812; 01 (một) sim điện thoại mạng Viettel có số thuê bao: 0961480426; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda; số loại: WINNER; màu sơn: cam - đen; biển số: 37B2-902.19, số máy: KC26E1054995; số khung: 2604GY033730; (BL 223). Xét đây là tài sản hợp pháp của Thái Dương Đ, Đ sử dụng làm pH3 tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng để bảo quản và đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

Đối với 01 (một) Giấy đăng ký xe mô tô số: 068600, mang biển số 37B2-902.19, chủ sở hữu Thái Dương Đ. Đề nghị giao cho Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử lý.

Đối với 01 (một) chứng minh nhân dân số: 280812664 mang tên Nguyễn Thị H3; 01 (một) chứng minh nhân dân số 280588248 mang tên Nguyễn Thị Thu V; 01 (một) chứng minh nhân dân số: 291153422 mang tên Đặng Kim C2; 01 (một) chứng minh nhân dân số 281006621 mang tên Thân Trọng T4. Do không tìm được chủ sở hữu nên không chuyển đến chi cục thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng.

- Đối với 13 (mười ba) giấy vay tiền giữa những người mượn tiền với Thái Dương Đ, có chữ ký Thái Dương Đ; 01 (một) cuốn tập học sinh loại 200 T6 hiệu Bút Cầu, có 17 mặt giấy ghi nhận các khoản nợ, có chữ ký của bà Nguyễn Thị Thu H ; 01 (một) cuốn cuốn tập học sinh bìa màu vàng có in chữ “Sổ Giáo Án”, hiệu MINH CHÂU, gồm 200 T6, có 11 mặt giấy ghi chữ và số, có chữ ký của Thái Dương Đ là vật chứng, cần lưu vào hồ sơ vụ án.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã thu giữ và đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp các giấy tờ tùy thân, cụ thể:

01 (một) Sổ hộ khẩu số 3383TA, chủ hộ mang tên Nguyễn Thị Thu H ;

01 (một) chứng minh nhân dân số: 280602462 mang tên Nguyễn Thị Thu H ;

01 (một) giấy phép lái xe số 74118006161 mang tên Nguyễn Đăng Thanh M;

01 (một) chứng nhận hưu trí số 1439700022 mang tên Nguyễn Thị G.

Tại phiên tòa, bị cáo Thái Dương Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm có điều kiện cải tạo làm người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (bà Trần Thị T2) trình bày: Từ ngày 13/9/2018 đến tháng 11/2018, bà T2 vay của Thái Dương Đ 15 lần với tổng số tiền 135.000.000 đồng, số tiền bà T2 thực nhận là 82.050.000 đồng, bà T2 đã thanh toán hiện còn nợ lại 4.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng và Điều tra viên, Cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ có trong hồ sơ đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Đ thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể: Từ đầu tháng 9/2018 đến khi bị bắt, bị cáo Đ đã cho 08 người trên địa bàn huyện Dầu Tiếng vay mượn với số tiền gốc từ 2.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trên một lần vay. Tổng số tiền Đ cho vay là 930.000.000 đồng, số tiền người vay phải trả cả gốc và lãi là 1.120.800.000 đồng; Đ đã thu được số tiền 1.031.600.000 đồng; người vay còn nợ số tiền 87.400.000 đồng. Đ thu lợi bất chính tổng số tiền 249.470.000 đồng. Việc cho vay, bị cáo Đ tự đặt ra mức lãi suất từ 0,5% - 1.4%/ngày (tương đương trên 365%/năm), cao gấp 09% - 25,21 lần so với mức lãi suất cao nhất là 20%/năm được quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015. Lời khai nhận của bị cáo Đ tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Bản Cáo trạng số 18/CT-VKSDT-HS ngày 06/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương truy tố đối với bị cáo Thái Dương Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo Đ tuy đơn giản nhưng nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng mà hành vi của bị cáo còn mang tích chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đứng; gây bất bình trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, xã hội nói chung. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ năng lực hành vi, đủ khả năng nhận thức được pháp luật; biết rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo tự đặt ra mức lãi suất từ từ 0,5% - 1.4%/ngày (tương đương trên 365%/năm), cao gấp 09% - 25,21 lần so với mức lãi suất cao nhất là 20%/năm được quy định trong Bộ luật Dân sự. Đồng thời bị cáo đã thu lợi bất chính tổng số tiền 237.037.618 đồng. Do đó, bị cáo bị truy tố và xét xử theo khoản 2 Điều

201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp và đúng quy định pháp luật.

[5] Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng trên địa bàn huyện Dầu Tiếng nói riêng và cả nước nói chung nên cần phải xử lý thật nghiêm bằng hình phạt tù để các bị cáo có điều kiện được giáo dục và cải tạo thành người công dân tốt sau này cũng như răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[6] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích đó là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về phần tội danh, điều luật, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ cũng như mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về biện pháp tư pháp và vật chứng:

[8.1] Quá trình điều tra đã xác định, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã vay tiền của bị cáo Đ nhưng hiện chưa trả cho bị cáo. Đây là số tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội nên buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp số tiền 78.500.000 đồng (bảy mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng).

- Bà Trần Thị T2 phải nộp số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

- Bà Thái Thị Thu T3 phải nộp số tiền 4.900.000 đồng (bốn triệu chín trăm ngàn đồng).

[8.2] Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ những vật chứng cần xử lý như sau:

- Đối với 01 (Một) điện thoại di động Iphone XS Max, màu vàng gold, số IMEI: 357287091749715; 01 (một) sim điện thoại mạng Viettel có số thuê bao: 0966286126. Xét đây là tài sản hợp pháp của Thái Dương Đ, Đ không dùng vào việc phạm tội nên cần trả cho bị cáo Đ.

- Đối với 01 (Một) điện thoại di động hiệu NOKIA 81104G, màu vàng, số IMEI: 353420094240812; 01 (một) sim điện thoại mạng Viettel có số thuê bao: 0961480426; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda; số loại: WINNER; màu sơn: cam - đen; biển số: 37B2-902.19, số máy: KC26E1054995; số khung: 2604GY033730. Xét đây là tài sản hợp pháp của Thái Dương Đ, Đ sử dụng làm pH3 tiện để thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) Giấy đăng ký xe mô tô số: 068600, mang biển số 37B2-902.19, chủ sở hữu Thái Dương Đ. Do xe đã tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước nên giao cho Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử lý.

- Đối với 13 (mười ba) giấy vay tiền giữa những người mượn tiền với Thái Dương Đ, có chữ ký Thái Dương Đ; 01 (một) cuốn tập học sinh loại 200 T6 hiệu Bút Cầu, có 17 mặt giấy ghi nhận các khoản nợ, có chữ ký của bà Nguyễn Thị Thu H ; 01 (một) cuốn cuốn tập học sinh bìa màu vàng có in chữ “Sổ Giáo Án”, hiệu MINH CHÂU, gồm 200 T6, có 11 mặt giấy ghi chữ và số, có chữ ký của Thái Dương Đ là vật chứng, nên lưu vào hồ sơ vụ án.

- Đối với các giấy tờ đã thu giữ là những giấy tờ tùy thân của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp nên Hội đồng xét xử không giải quyết lại, cụ thể:

01 (một) Sổ hộ khẩu số 3383TA, chủ hộ mang tên Nguyễn Thị Thu H ;

01 (một) chứng minh nhân dân số: 280602462 mang tên Nguyễn Thị Thu H ;

01 (một) giấy phép lái xe số 74118006161 mang tên Nguyễn Đăng Thanh M;

01 (một) chứng nhận hưu trí số 1439700022 mang tên Nguyễn Thị G.

[9] Bị cáo Thái Dương Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2, 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

I. Hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Thái Dương Đ phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Xử phạt bị cáo Thái Dương Đ 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/02/2019.

II. Biện pháp tư pháp và vật chứng:

1. Buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án còn nợ số tiền của bị cáo Thái Dương Đ phải nộp số tiền còn nợ để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp số tiền 78.500.000 đồng (bảy mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng).

- Bà Trần Thị T2 phải nộp số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

- Bà Thái Thị Thu T3 phải nộp số tiền 4.900.000 đồng (bốn triệu chín trăm ngàn đồng).

2. Xử lý vật chứng như sau:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (Một) điện thoại di động hiệu NOKIA 81104G, màu vàng, số IMEI: 353420094240812; 01 (một) sim điện thoại mạng Viettel có số thuê bao: 0961480426; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda; số loại: WINNER; màu sơn: cam - đen; biển số: 37B2-902.19, số máy: KC26E1054995; số khung: 2604GY033730.

- Giao cho Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An giải quyết theo thẩm quyền 01 (một) Giấy đăng ký xe mô tô số: 068600, mang biển số 37B2-902.19 mang tên Thái Dương Đ.

- Trả lại cho bị cáo Thái Dương Đ 01 (Một) điện thoại di động Iphone XS Max, màu vàng gold, số IMEI: 357287091749715; 01 (một) sim điện thoại mạng Viettel có số thuê bao: 0966286126.

Toàn bộ tài sản được Chi cục thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/5/2019.

Lưu vào hồ sơ vụ án: 13 (mười ba) giấy vay tiền giữa những người mượn tiền với Thái Dương Đ, có chữ ký Thái Dương Đ; 01 (một) cuốn tập học sinh loại 200 T6 hiệu Bút Cầu, có 17 mặt giấy ghi nhận các khoản nợ, có chữ ký của bà Nguyễn Thị Thu H ; 01 (một) cuốn tập học sinh bìa màu vàng có in chữ “Sổ Giáo Án”, hiệu MINH CHÂU, gồm 200 T6, có 11 mặt giấy ghi chữ và số, có chữ ký của Thái Dương Đ.

IV. Án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo Thái Dương Đ phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng PV27 - CA tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan CSĐT - CA H. Dầu Tiếng;
- Cơ quan THAHS&HTTT - CA H. Dầu Tiếng;
- CC THA DS H. Dầu Tiếng;
- Bị cáo;
- Người có QL&NVLQ đến vụ án;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

Nguyễn Thị Huyền